

Số: 788 /ĐLTKV – KH  
V/v Gia hạn thời gian nhận báo giá cung cấp  
dịch vụ Bảo hiểm sức khỏe năm 2025

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

**THÔNG BÁO GIA HẠN THỜI GIAN NHẬN BÁO GIÁ**  
**Về việc Cung cấp dịch vụ Bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ quản lý**  
**Tổng công ty Điện lực – TKV năm 2025.**

Kính gửi: Các nhà cung cấp.

Tổng công ty điện lực – TKV đang triển khai lập dự toán dịch vụ Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho người lao động năm 2025. Tổng công ty Điện lực - TKV xin thông báo gia hạn thời gian nhận báo giá đối với dịch vụ cung cấp bảo hiểm sức khỏe, cụ thể như sau:

**1. Nội dung công việc:**

Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bao gồm:

1.1 Tổng số người tham gia bảo hiểm: 91 người.

1.2 Yêu cầu về Quyền lợi bảo hiểm (*Như phụ lục đính kèm*).

**2. Địa chỉ nhận hồ sơ:**

- Nộp trực tiếp hoặc chuyển qua đường bưu điện về địa chỉ: Tổng công ty Điện lực - TKV, Tầng 16 Tòa nhà Vinacomin, số 03 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Cán bộ liên hệ: Ms. Nguyễn Thị Mai Yên, Phòng Kế hoạch - Tổng công ty Điện lực -TKV, Số điện thoại: 0989 206 068.

**3. Gia hạn thời hạn nhận báo giá:** Đến trước 16h30 ngày 28/03/2025.

**4. Hiệu lực báo giá:** Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.

**5. Hồ sơ báo giá bao gồm:**

- Bản báo giá cung cấp dịch vụ Bảo hiểm sức khỏe (*chi tiết như phụ lục đính kèm*). Báo giá phải ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của nhà cung cấp. Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu.

- Giấy phép đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng) và giới thiệu thông tin nhà cung cấp.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TGD (b/c; e-copy);
- Email: [truyenthongTKV@vinacomin.vn](mailto:truyenthongTKV@vinacomin.vn) (để đăng tải);
- Email: [quyennb@vinacominpower.vn](mailto:quyennb@vinacominpower.vn) (để đăng tải);
- Lưu VT, KH, Y(1).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Trung Thực**

## PHỤ LỤC - BẢNG TÓM TẮT YÊU CẦU VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

(Đính kèm Thư mời báo giá số 788 /ĐLTKV-KH ngày 21 tháng 03 năm 2025)

Nguyên tệ: VNĐ

<b>TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM</b>	
<b>Thời hạn bảo hiểm</b>	<b>12 tháng</b>
<b>PHẦN I. BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN</b>	
<b>Quyền lợi bảo hiểm</b>	
<b>Phạm vi lãnh thổ</b>	<b>- Tử vong do tai nạn: Toàn cầu - CPYT &amp; trợ cấp do tai nạn: Việt Nam</b>
1. Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	<b>VND 500,000,000</b>
1.1. Thương tật bộ phận vĩnh viễn (Chi trả theo bảng tỷ lệ thương tật)	Chi trả theo tỷ lệ thương tật tối đa không quá số tiền bảo hiểm tại mục 1
2. Chi phí y tế điều trị do tai nạn tại Việt Nam (chi phí nằm viện, điều trị ngoại trú, cấp cứu do tai nạn, chi trả theo chi phí thực tế tối đa không quá số tiền bảo hiểm)	VND 200,000,000
3. Trợ cấp lương nghỉ do tai nạn	VND 30,000,000
- Số ngày hưởng trợ cấp	60 ngày
- Trợ cấp/ngày	VND 500,000
<b>PHẦN II. BẢO HIỂM SINH MẠNG CÁ NHÂN</b>	
<b>Phạm vi lãnh thổ</b>	<b>Việt Nam</b>
<b>Quyền lợi bảo hiểm:</b> Tử vong, tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm, bệnh, thai sản (loại trừ các nguyên nhân tai nạn)	<b>VND 500,000,000</b>
<b>PHẦN III. BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHOẺ</b>	
<b>I. BẢO HIỂM ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ (do ốm đau, bệnh, thai sản không bao gồm điều trị răng nội trú)</b>	<b>VND 750,000,000</b>
<b>Phạm vi lãnh thổ</b>	<b>Việt Nam</b>
<b>Đồng chi trả</b>	

<p><b>1. Chi phí nằm viện/ngày bao gồm các chi phí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí tiền phòng, giường bệnh</li> <li>- Tiền ăn theo tiêu chuẩn tại bệnh viện;</li> <li>- Chi phí tiêm, truyền tĩnh mạch, thay băng, cắt chỉ;</li> <li>- Cận lâm sàng xét nghiệm hoặc chẩn đoán bằng hình ảnh như X-quang, MRI, CT, PET</li> <li>- Thuốc, dược phẩm, vac-xin cần thiết do bác sỹ điều trị chỉ định theo quy định chuyên môn.</li> <li>- Dịch truyền thông thường, cao phân tử, máu và chế phẩm trong khi nằm viện;</li> <li>- Vật tư y tế, vật tư thay thế được bảo hiểm</li> <li>- Vật lý trị liệu theo chỉ định của bác sỹ</li> <li>- Điều trị trong ngày</li> </ul>	VND 250,000,000
<p>- Chi phí nằm viện/ngày (tối đa 60 ngày/năm)</p>	VND 12,500,000
<p>-- Tiền giường phòng/ngày (bao gồm trong chi phí nằm viện, loại trừ phòng bao, phòng đặc biệt)</p>	VND 12,500,000
<p>-- Phòng chăm sóc đặc biệt ICU, Phòng hồi sức tích cực</p>	VND 12,500,000
<p><b>2. Chi phí phẫu thuật/năm bao gồm:</b>          Phẫu thuật nội trú, phẫu thuật trong ngày hoặc phẫu thuật ngoại trú;          Chi phí cấy ghép nội tạng (không bảo hiểm cho chi phí mua các bộ phận nội tạng và chi phí hiến nội tạng); chi phí tái mô.          Chi phí cần thiết khác theo chỉ định của bác sỹ (quy định chi tiết tại Quy tắc bảo hiểm)          Chi phí phẫu thuật không bao gồm các thủ thuật chẩn đoán bệnh.</p>	VND 250,000,000
<p><b>3. Quyền lợi bảo hiểm khác</b></p>	VND 250,000,000
<p><b>3.1. Chi phí điều trị trước khi nhập viện</b> (30 ngày trước khi nhập viện)/năm</p>	VND 12,500,000
<p><b>3.2. Chi phí điều trị sau khi xuất viện</b> (30 ngày kể từ ngày xuất viện)/năm</p>	VND 12,500,000
<p><b>3.3. Chi phí y tá chăm sóc tại nhà ngay sau khi xuất viện</b> (tối đa 15 ngày/năm).</p>	VND 12,500,000
<p><b>3.4. Phục hồi chức năng</b></p>	VND 62,500,000

<b>3.5. Dịch vụ xe cứu thương trong lãnh thổ Việt nam</b> (loại trừ bằng đường hàng không), chi phí taxi tối đa không quá 300,000 VNĐ/năm với điều kiện có hoá đơn VAT	VND 250,000,000
<b>3.6. Trợ cấp nằm viện/ngày</b> (tối đa 60 ngày/ năm)	
Trợ cấp nằm viện/ngày	VND 250,000
Trợ cấp nằm viện/ngày (tối đa 60 ngày) nếu nằm viện tại Viện công lập có sử dụng BHYT và được BHYT chi trả trên 40%	VND 500,000
<b>3.7. Chi phí mai táng</b>	VND 5,000,000
<b>4. Chi phí chăm sóc thai sản (không bao gồm chi phí khám thai định kỳ và các mục 1-3)</b>	VND 70,000,000
<b>4.1. Sinh thường</b>	Chi phí nằm viện giới hạn 15,000,000/ngày
<b>4.2. Bất thường trong quá trình mang thai, bệnh lý phát sinh trong thai kỳ</b>	
<b>4.3. Tai biến sản khoa</b> (nhiễm trùng hậu sản các loại, tiền sản giật, sản giật, doạ vỡ tử cung, vỡ tử cung, chảy máu sau đẻ, phù phổi cấp, thuyên tắc ối và các biến chứng của các nguyên nhân nêu trên)	Chi phí nằm viện giới hạn 15,000,000/ngày và Chi phí phẫu thuật tối đa không vượt quá số tiền bảo hiểm mục 4
<b>4.4. Sinh mổ</b>	
<b>4.5. Chăm sóc trẻ sau sinh</b> (chi phí điều trị bệnh lý cấp tính cho trẻ trong vòng 7 ngày sau sinh với điều kiện mẹ vẫn nằm viện )	VND 1,250,000
<b>II. BẢO HIỂM ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ</b>	
<b>Phạm vi lãnh thổ</b>	<b>Việt Nam</b>
<b>Đồng chi trả</b>	Không áp dụng
<b>1. Chi phí điều trị ngoại trú do bệnh</b>	<b>VND 30,000,000</b>
- <b>Chi phí cho một lần khám</b> (Tiền khám bệnh, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, chụp X-quang, thuốc kê đơn)	VND 6,000,000
- Vật lý trị liệu, liệu pháp ánh sáng (chỉ định của bác sỹ được thực hiện tại Bệnh viện).../ngày (tối đa 60 ngày)	VND 300,000
- Số lần khám trong một năm	10

<b>2. Chăm sóc nha khoa/người/năm:</b> + Khám và chuẩn đoán + Chụp X-Quang + Trám răng bằng chất liệu thông thường (amalgam, composite, fuji..) + Điều trị tủy răng, điều trị viêm nướu, viêm nha chu + Lấy u vôi răng (lấy vôi răng sâu dưới nướu) + Nhổ răng bệnh lý ( bao gồm tiểu phẫu) + Phẫu thuật cắt chóp răng	VND 6,000,000
+ Cạo vôi răng	VND 500,000
<b>BẢO LÃNH</b>	<b>NỘI TRÚ, NGOẠI TRÚ, NHA KHOA</b>
<b>PHÍ BẢO HIỂM</b>	
<b>NHÂN VIÊN</b>	
<b>Phí bảo hiểm/người/năm (không thai sản)</b>	<b>VND .....</b>
<b>Phí bảo hiểm/người/năm (có thai sản)</b>	<b>VND .....</b>
<b>THỜI GIAN CHỜ</b>	
1. Tai nạn	0 ngày
2. Điều trị bệnh thông thường (bao gồm nha khoa)	Miễn thời gian chờ
3. Điều trị bệnh lý thai kỳ, bất thường trong quá trình mang thai	0 ngày
4. Sinh con, tai biến sản khoa	0 ngày
5. Điều trị bệnh đặc biệt và bệnh có sẵn, bệnh mãn tính, thương tật có sẵn, tình trạng nha khoa có sẵn	0 ngày
5.1 Điều trị: ung thư, u bướu các loại, Đứt dây chằng/phẫu thuật dây chằng, Suy thận/Chạy thận nhân tạo, Suy gan/Xơ gan/Viêm gan các loại, Bệnh lý về tim, Đột quy/Tai biến mạch máu não/Xuất huyết não/Nhồi máu não/Đứt mạch máu não, Bệnh lý/Tình trạng có sẵn cần phải phẫu thuật, COPD/Lao phổi, Đục thủy tinh thể, thương tật có sẵn.	0 ngày
5.2 Điều trị bệnh đặc biệt & bệnh có sẵn, bệnh mãn tính khác tại mục 5.1	0 ngày

6. Tử vong/ Tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do Bệnh đặc biệt & bệnh có sẵn, bệnh mãn tính, thai sản	0 ngày
7. Tử vong/ Tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do Bệnh thông thường	0 ngày

*Ghi chú: Nhà cung cấp có thể đề xuất thêm quyền lợi khác ngoài những quyền lợi trên và các thông tin khác đi kèm.*